TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **412**/2025/DS-ST
Ngày: 22-5-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Trung

2/ Ông Nguyễn Trí Dũng

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Kim Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 852/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 284/2025/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 289/2025/QĐST-DS ngày 25/4/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S**

Trụ sở: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Gia Th là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 5524/2024/UQ-TGĐ ngày 02/8/2024. (có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Mỹ N,** sinh năm 1967

Nơi thường trú: Số 464, Tổ 11, Khóm 1, phường T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; Nơi cư trú: B6/15 Đ, Ấp 2, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có ông Trần Gia Th đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 03/02/2021, Bà N có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 59.695.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Bà N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 30.000.000 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước

+ Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước

+ Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ

+ Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ

+ Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Bà N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà N vi phạm nghĩa vụ tahnh toán nên ngày 16/8/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu tại thời điểm này là 35.156.183 đồng sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản điểu khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng).

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ N có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà Nguyễn Thị Mỹ N vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Ngân hàng xác định bà Nguyễn Thị Mỹ N còn nợ Ngân hàng tổng số nợ tạm tính đến ngày 22/5/2025 là 98.043.511 đồng. Vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ N phải thanh toán toàn bộ khoản nợ là 98.043.511 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 35.156.183 đồng và nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 22/5/2025 là 62.887.328 đồng.

Ngoài ra yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ N phải thanh toán cho Ngân hàng lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kể từ ngày 23/5/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà Nguyễn Thị Mỹ N nhưng bà N không hợp tác, không đến Tòa án để làm việc. Vì vậy, Tòa án thực hiện thủ tục niêm yết xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S có đơn xin vắng mặt nhưng có gửi bản tự khai giữ nguyên yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ N phải trả số tiền nợ gốc còn lại là 35.156.183 đồng, và tiền lãi tính đến ngày 22/5/2025 là 62.887.328 đồng, tổng cộng là 98.043.511 đồng.

Ngoài ra nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ N phải thanh toán cho Ngân hàng lãi chậm thanh toán phát sinh theo hợp đồng đã ký kể từ ngày 23/5/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục tống đạt, cấp, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng tín dụng; Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N cư trú tại xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần. Căn cứ quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án xét xử vắng mặt đương sự.

Căn cứ, Khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định *"Trường hợp một bên trong quan hệ dân sự thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thì phải thông báo cho bên kia biết về nơi cư trú mới"*. Khi tham gia giao kết hợp đồng, bà Nguyễn Thị Mỹ N cung cấp địa chỉ cư trú tại số B6/15 Đoàn Nguyễn Tuấn, Ấp 2, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại kết quả xác minh địa chỉ thường trú của bà N, Công an phường T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long trả lời: *"Qua xác minh địa chỉ số nhà 464, tổ 11, Khóm 1, phường T không có thông tin; số nhà này không thuộc tổ 11, Khóm 1, phường T nên không xác định được thông tin của bà Nguyễn Thị Mỹ N"*. Do đó Tòa án nhân dân huyện

Bình Chánh niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi tại địa chỉ số B6/15 Đoàn Nguyễn Tuấn, Ấp 2, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết vụ án.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả số tiền nợ là 98.043.511 đồng (Bao gồm tiền nợ gốc là 35.156.183 đồng, và tiền lãi tạm tính đến ngày 22/5/2025 là 62.887.328 đồng); Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng bà Nguyễn Thị Mỹ N ký ngày 03/02/2021; bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và lời khai đương sự có đủ cơ sở xác định Ngân hàng đã cấp thẻ cho bà Nguyễn Thị Mỹ N, số thẻ 356480-3073 với hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Quá trình sử dụng thẻ bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên từ ngày 16/8/2021. Ngân hàng đã chuyển khoản nợ thẻ của bà N sang nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn. Tính đến ngày 16/8/2021, tổng số dư nợ của bà N là 35.156.183 đồng, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này làm nợ gốc và áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố. Xét thấy, việc chuyển nợ quá hạn và cách tính dư nợ gốc được ghi nhận tại Điều 23 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S. Ngân hàng và bà N cùng thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên là căn cứ làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao dịch.

Theo sao kê tài khoản thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; Biểu phí dịch vụ thẻ tín dụng Sacombank, tạm tính đến ngày 22/5/2025 thì bà Nguyễn Thị Mỹ N còn phải thanh toán cho ngân hàng số tiền như sau:

+ Số tiền nợ gốc: 35.156.183 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 62.887.328 đồng

+ Tổng cộng: 98.043.511 đồng

Căn cứ khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn *"Khi giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án áp dụng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự 2005, Bộ luật Dân sự 2015 để xác định lãi, lãi suất".* Như vậy, lãi suất được Ngân hàng Thương mại Cổ phần S sử dụng để tính tiền lãi đối với khoản nợ của bà Nguyễn Thị Mỹ N là có căn cứ để chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S buộc bà Nguyễn Thị Mỹ N thanh toán số tiền nợ tạm tính đến ngày 22/5/2025 là 98.043.511 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu tiền án phí. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S: Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 98.043.511 đồng (chín mươi tám triệu không trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm mười một đồng), (Bao gồm tiền nợ gốc là 35.156.183 đồng và tiền lãi là 62.887.328 đồng).

Kể từ ngày 23/5/2025 bà Nguyễn Thị Mỹ N còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 03/02/2021 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc nêu trên. Trường hợp trong hợp đồng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S thì lãi suất mà bà N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.902.176 đồng (Bốn triệu chín trăm lẻ hai nghìn một trăm bảy mươi sáu đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được nhận lại tiền tạm ứng án phí 2.103.745 đồng (Hai triệu một trăm lẻ ba nghìn bảy trăm bốn mươi lăm đồng) theo Biên lai thu số 0051007 ngày 18/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và bà Nguyễn Thị Mỹ N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh
- VKSND huyện Bình Chánh;
- Chi cục THADS huyện Bình Chánh;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đinh Thị Hoài Thu